

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 214/2018/DS-PT

Ngày: 06 - 6 - 2018

V/v tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Hiệp.

Các Thẩm phán:

Bà Nguyễn Thị Sâm Hương.

Bà Trần Thị Kim Em.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Sắc Ly, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Từ Thị Kỳ - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 100/2018/TLPT-DS ngày 24 tháng 4 năm 2018 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 28/2018/DS-ST ngày 19/01/2018, của Tòa án nhân dân huyện C bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 133/2018/QĐ-PT ngày 26 tháng 4 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Dương Tốt N, sinh 1965 (có mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* 1. Dương Thị M, sinh năm: 1964 (có mặt).

2. Nguyễn Văn M, sinh năm: 1961

Người đại diện theo ủy quyền của ông M: Bà Dương Thị M, sinh năm: 1964.

Cùng địa chỉ: ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3. *Người kháng cáo:* bị đơn Dương Thị M.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo bản án sơ thẩm, nguyên đơn ông Dương Tốt N trình bày:

Ngày 15/11/2016 ông M và bà M vay của ông số tiền 72.000.000 đồng, thỏa thuận trong 06 tháng sẽ trả lại số tiền này. Tuy nhiên, ông đã nhiều lần yêu cầu trả nhưng vợ chồng ông M, bà M không trả tiền. Nay ông yêu cầu buộc vợ chồng ông M, bà M trả

cho ông số tiền 72.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi đối với số tiền vốn gốc 72.000.000 đồng với lãi suất 1%/tháng, tính từ 15/11/2016 đến ngày 15/8/2017 là 09 tháng với số tiền 6.480.000 đồng, tổng cộng 78.480.000 đồng, yêu cầu trả ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Khi cho vay tiền, chỉ có ông và bà M, sau đó ông có báo cho ông M biết là bà M vay số tiền 72.000.000 đồng, ông M cũng không có ý kiến gì. Khi cho vay, hai bên không thỏa thuận lãi suất vì các bên có thỏa thuận nếu bà M không trả tiền thì ông sẽ lấy 12 mét đất. Khi cho vay thì đưa bà M 72.000.000 đồng làm một lần, khi bà M viết xong giấy biên nhận giao cho ông thì đã có tẩy xóa. Lý do lúc đầu bà M vay 20.000.000 đồng nhưng ghi giấy xong thì bà M hỏi vay thêm 70.000.000 đồng nữa là 90.000.000 đồng nhưng ông chỉ có tiền và đưa thêm 52.000.000 đồng nên đưa tất cả 72.000.000 đồng nên bà M sửa giấy biên nhận từ 20.000.000 đồng lên thành 72.000.000 đồng và bà có nói *“Tôi trả hết cho chứ không phải không trả đâu mà sợ”* và đưa giấy cho ông giữ, việc bà M ghi giấy biên nhận là tự nguyện và ghi đúng số tiền vay, ông không ép buộc bà M ghi. Bà M không đồng ý đây là chữ do bà sửa và viết thì bà có quyền trưng cầu giám định cũng như đi xác minh những người biết việc cho vay này, ông cũng không yêu cầu giám định phần chữ bị sửa chữa vì bà M cho rằng không phải chữ bà viết thì bà có nghĩa vụ chứng minh trong khi bà thừa nhận giấy biên nhận ngày 15/11/2016 do bà viết và ký tên Dương Thị M. Chữ ký Nguyễn Văn M trong giấy biên nhận nhận tiền ngày 15/11/2016, bà M nói rằng là chữ ký của ông M ký rồi nên đưa cho ông, ông nghĩ là chữ ký ông M chứ thật sự có phải chữ ký ông M hay không thì ông không rõ.

* Bị đơn bà Dương Thị M đồng thời là đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn M trình bày:

Cuối năm 2016, bà có vay của ông N 15.000.000 đồng, nhưng ông N bắt bà ghi giấy biên nhận tiền là 20.000.000 đồng, trong đó 5.000.000 đồng dư là sẽ trừ vào lãi suất. Tuy nhiên, hàng tháng bà vẫn đóng lãi 1.600.000 đồng, nhưng cũng không thấy ông N trừ số tiền 5.000.000 đồng. Tháng 10/2017, bà nhận được giấy triệu tập của Tòa án thì mới phát hiện sự gian dối trong cách ghi thêm vào tờ giấy mượn tiền mà bà đã ký nhận trước mặt ông N. Lúc bà nhận 15.000.000 đồng nhưng ông N bảo ghi chẵn 20.000.000 đồng để khấu trừ lãi suất, khi khởi kiện ông N lại thêm số 7 phía trước số 2, điều này dễ phát hiện là không ai ghi 7 chấm 2 rồi tiếp theo là số 0. Nếu viết tắt cho gọn thì 72 triệu, chứ mắc chi lại ghi 7.20, như vậy thì chỉ có 7 triệu 200 ngàn đồng hay sao, tức là 7,2 triệu đồng. Ông N còn ghi thêm số 1 trước số 2 m đất.

Vì lẽ trên, vợ chồng bà không có nghĩa vụ trả cho ông N số tiền 78.000.000 đồng vì ông N đã ghi không giấy mượn tiền. Vì vậy không có cơ sở để bà thực hiện nghĩa vụ trả cho ông N số tiền 20.000.000 đồng, việc giao kết xem như vô hiệu. Chữ ký họ tên Nguyễn Văn M trong giấy biên nhận này do bà ký thay cho ông M vì ông N bắt viết giấy vay 20.000.000 đồng và ghi tên ông M luôn rồi đưa cho ông N giữ luôn đến nay thì làm sao ông M có thể ký được.

Khi vay tiền ông N, bà vay một lần và đưa đủ 15.000.000 đồng chứ không vay 72.000.000 đồng, nhưng ông N bắt bà phải viết biên nhận là 20.000.000 đồng, bà đóng lãi được 03 tháng, mỗi tháng 1.600.000 đồng, lãi suất 8%/tháng, khi đóng lãi không có

giấy tờ. Bà vay 15.000.000 đồng để làm vốn mua bán rau cải, vì thời điểm này gần đến Tết năm 2016, việc này chồng của bà là ông M cũng biết và sau này ghi giấy nợ 20.000.000 đồng thì ông M cũng đồng ý. Nay bà không đồng ý trả 72.000.000 đồng vốn và tiền lãi cho ông N.

* Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Ông N không yêu cầu giám định chữ viết viết thêm trong giấy biên nhận nợ, ông xin thay đổi yêu cầu khởi kiện, cụ thể: ông chỉ yêu cầu bà M và ông M trả số tiền vay 20.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi, yêu cầu trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

- Bà M không đồng ý trả số tiền 20.000.000 đồng vì khi khởi kiện ông N không kiện yêu cầu vợ chồng bà trả 20.000.000 đồng mà kiện yêu cầu trả số tiền 72.000.000 đồng, nay ông N thay đổi yêu cầu khởi kiện nên bà không đồng ý trả số nợ 20.000.000 đồng.

* Bản án dân sự sơ thẩm số: 28/2018/DS-ST ngày 19/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện C đã căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, 466 và khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Dương Tốt N.

Bà Dương Thị M và ông Nguyễn Văn M có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Dương Tốt N số tiền vốn vay 20.000.000 đồng, trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong, nếu ông M và bà M chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải trả lãi theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông M và bà M phải liên đới chịu 1.000.000 đồng.

Hoàn lại cho ông N số tiền 1.962.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 35819 ngày 10/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

- Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

* Ngày 01 tháng 02 năm 2018, bị đơn bà Dương Thị M có đơn kháng cáo yêu cầu xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm với lý do không chấp nhận hành vi lừa dối trong giao dịch của ông Dương Tốt N.

* Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự trình bày:

- Bị đơn Dương Thị M:

Vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo, không đồng ý trả cho ông N số tiền 20 triệu đồng như quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm xét xử. Bà M yêu cầu ông N đưa ra biên nhận 20 triệu đồng mà bà đã viết khi nhận tiền của ông N thì bà trả, còn biên nhận 72

triệu đồng mà ông N cung cấp cho Tòa để khởi kiện bà, bà M không chấp nhận biên nhận này.

Bà M cũng thừa nhận, ngày 15/11/2016 bà có viết một biên nhận mượn tiền của ông N với số tiền là 20 triệu đồng, tiền bà đã nhận và biên nhận đã giao cho ông N giữ, còn biên nhận ông N khởi kiện bà với số tiền là 72 triệu đồng là chữ của bà viết nhưng bà không ghi hay sửa thành 72 triệu đồng, chữ ký của chồng bà là Nguyễn Văn M bà thừa nhận cũng do bà ký.

Sau khi vay số tiền 20 triệu bà đã đóng lãi được cho ông N được 3 tháng, mỗi tháng 1,6 triệu đồng sau đó không đóng lãi nữa vì cho rằng ông N khi cho bà vay 20 triệu nhưng chỉ đưa có 15 triệu, 05 triệu ông N giữ lại nếu không đóng lãi sẽ trừ vào số tiền này. Bà cũng thừa nhận khi trả lãi và viết biên nhận bà không có ghi tiền lãi, trả lãi cho ông N thì ông N cũng không có viết biên nhận cho bà.

- Nguyên đơn Dương Tốt N:

Ông N cho rằng, bà M ban đầu mượn ông 20 triệu đồng nên viết biên nhận nợ với số tiền 20 triệu đồng theo biên nhận ngày 15/11/2016, nhưng sau đó bà M mượn thêm 52 triệu nữa nên ông đưa biên nhận lại cho bà M viết thêm vào, ông khẳng định ông không viết thêm và sửa chữa biên nhận nợ.

Việc ông rút yêu cầu chỉ đòi bà M trả nợ cho ông số tiền 20 triệu đồng và không yêu cầu giám định chữ viết đã sửa trong biên nhận vì ông cho rằng sẽ kéo dài thời gian và sẽ tốn kém chi phí giám định, nên ông chỉ yêu cầu bà M trả lại cho ông số tiền 20 triệu đồng và không tính lãi như tòa sơ thẩm đã xét xử.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu:

+ Về tố tụng: Từ khi thụ lý, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự, không có kiến nghị gì.

+ Về nội dung vụ án:

Tòa án cấp sơ thẩm xét xử vụ án dân sự tranh chấp giữa ông N và vợ chồng ông M là có căn cứ đúng pháp luật, tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì khác. Nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 28/2018/DS-ST ngày 19/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện C.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên và những quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tòa án cấp sơ thẩm xác định mối quan hệ tranh chấp trong vụ án là hợp đồng vay tài sản là có căn cứ, thuộc thẩm quyền giải quyết của tòa án theo pháp luật tố tụng dân sự.

[2] Theo lời trình bày và các tài liệu chứng cứ của các bên, xác định giữa nguyên đơn Dương Tốt N và bị đơn Dương Thị M có xác lập hợp đồng vay tài sản và nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ với số tiền là 72.000.000 đồng và

6.480.000 đồng tiền lãi, nhưng tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn đã thay đổi yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền 20.000.000 đồng và không tính lãi suất. Theo quy định tại Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự thì Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi của đương sự vì sự thay đổi yêu cầu đó không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên cấp sơ thẩm chấp nhận là đúng quy định pháp luật. Do đó tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu thay đổi của nguyên đơn về số tiền yêu cầu buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn là 20.000.000 đồng và không tính lãi suất.

[3] Ý kiến của bị đơn không đồng ý trả cho bị đơn 20.000.000 đồng, bị đơn cho rằng chỉ thực nhận có 15.000.000 đồng số tiền 5.000.000 đồng trong biên nhận 20.000.000 đồng là tiền lãi. Tuy nhiên, bị đơn không chứng minh và không có tài liệu nào thể hiện trong nội dung biên nhận tiền với nguyên đơn về nội dung bao nhiêu là tiền vay, bao nhiêu là tiền lãi, nguyên đơn cũng không thừa nhận số tiền 5.000.000 đồng là tiền lãi, về nguyên tắc đối với nghĩa vụ chứng minh khi đương sự có yêu cầu tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải cung cấp giao nộp cho tòa án, tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp.

[4] Tại các phiên hòa giải, phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm bị đơn đều thừa nhận biên nhận ngày 15/11/2016 là do bị đơn viết, bị đơn ký tên, thừa nhận có vay số tiền 20 triệu đồng, số tiền vay này đến nay bị đơn cũng chưa trả cho nguyên đơn, nên có đủ căn cứ bị đơn có giao dịch vay tài sản với nguyên đơn số tiền 20 triệu đồng, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu đòi 20 triệu là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Do đó, không thể xem xét chấp nhận theo yêu cầu kháng cáo của bị đơn về nội dung này. Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử là có căn cứ, đúng pháp luật, Hội đồng xét xử nhận thấy cần giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

[5] Ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Những quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[7] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, Điều 293 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 244, khoản 2 điều 357, Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Dương Thị M.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 28/2018/DS-ST ngày 19/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện C.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Dương Tốt N.

Buộc bà Dương Thị M và ông Nguyễn Văn M có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Dương Tốt N số tiền vốn vay 20.000.000 đồng, trả khi án có hiệu lực pháp luật.

2. Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong, nếu ông M và bà M chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải trả lãi theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

3. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông M và bà M phải liên đới chịu 1.000.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho ông N số tiền 1.962.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 35819 ngày 10/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

- Án phí phúc thẩm:

Bà M có nghĩa vụ nộp 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 36258 ngày 01/02/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, nên xem như đã nộp xong án phí phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh TG;
 - TAND huyện C;
 - THADS huyện C;
 - Các đương sự;
 - Lưu: VT, hồ sơ vụ án.
- DSPT-2018-L

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Hoàng Hiệp